

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

MỘT PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP TRONG DẠY NÓI NGOẠI NGỮ CHO SINH VIÊN VIỆT NAM

DIỆP KIẾN VŨ
(TS, Đại học Cần Thơ)

1. Văn hóa và giao tiếp xã hội

Vì chịu ảnh hưởng của nền văn hoá truyền thống, nhất là văn hóa Khổng giáo, nên việc giao tiếp trong xã hội phương Đông nói chung và của người Việt Nam nói riêng có nhiều điểm khác biệt so với người phương Tây. Đối với người phương Tây, trong giao tiếp người ta có thể thoải mái nêu những ý kiến cá nhân, thậm chí trái nghịch nhau và thoải mái tranh luận mà không sợ làm phật ý người khác. Còn đối với người Việt Nam, việc giao tiếp ngoài mục đích cuối cùng là thông tin, còn biểu hiện mối quan hệ nhân văn giữa người nói và người nghe, do đó họ rất chú trọng đến những tình cảm ẩn sau những lời nói. Tục ngữ Việt nam có câu: “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, có nghĩa là ngoài nội dung thông điệp cần chuyển, người ta cũng cần phải quan tâm đến cách chuyển tải thông tin sao cho phù hợp với người nghe.

Ở châu Âu, những cảm xúc thể hiện trong giao tiếp ngôn ngữ như vui mừng, tức giận, tranh cãi lớn tiếng, kèm theo nhiều động tác hình thể (nhún vai, nháy mắt, vè mặt...) chỉ là những thói quen thông thường nhằm bày tỏ ý kiến cá nhân, cái “tôi”, chứ không phải là đang cãi cọ hay có chuyện xích mích gì cả. Còn đối với người Việt, việc thể hiện tình cảm thái quá, hay sự hung hăng trong lời nói là chuyện khó chấp nhận trong giao tiếp. Các động tác kèm theo lời nói cũng ít được sử dụng như người phương Tây, và nếu có cũng ở mức độ vừa phải. Điều này đôi khi dẫn đến thái độ dè dặt trong giao tiếp

ngôn ngữ, lắng nghe nhiều hơn là phát biểu ý kiến.

- *Mối quan hệ người dạy – người học:*
Trong xã hội châu Á truyền thống, vị trí và vai trò của người thầy đặc biệt được xem trọng vì thầy chính là người truyền đạt tri thức, vốn sống và những bài học đạo đức luân lí. Câu châm ngôn: “Không thầy đố mày làm nên” cho thấy tầm quan trọng của người thầy trong xã hội. Tuy nhiên đôi khi chính sự quá ỷ lại vào trách nhiệm của người thầy đã dẫn đến nền giáo dục đặt trọng tâm vào người thầy (trong tam giác giáo dục thầy - trò - nội dung truyền đạt), làm cho cách học của sinh viên trở nên thụ động, gói gọn trong phạm vi bài giảng trên lớp của thầy.

- *Khái niệm thể diện:* Đối với người Việt nam ít nhiều chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Nho giáo, việc giữ thể diện (cho mình và cho người khác) chiếm một vị trí khá quan trọng trong giao tiếp xã hội. Trong ngôn ngữ Việt, những từ như “giữ thể diện”, hay “mất mặt” thường được nghe nhắc đến. Trong giao tiếp, để không bị mất mặt hay làm mất mặt người khác, người ta tìm cách diễn đạt một cách có ý tứ. Do đó thay vì bày tỏ thẳng thắn ý kiến không đồng tình, thậm chí tranh cãi quyết liệt để bảo vệ những ý kiến trái ngược như người châu Âu, người ta thường tìm cách tránh né hay cố gắng diễn đạt nhẹ nhàng sự không đồng tình, thậm chí có khi giữ im lặng mặc dầu trong lòng không thuận.

2. Văn hoá và diễn đạt nói trong lớp học ngoại ngữ

Việc ứng xử trong giao tiếp và thái độ học tập của sinh viên Việt Nam đương nhiên chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố văn hoá, gồm cả những giá trị truyền thống mà các em đã được giáo dục ngay từ bé. Trong lớp học ngoại ngữ, dễ nhận thấy một điều là không ít sinh viên Việt Nam thường tỏ ra thụ động, dè dặt, ít phát biểu làm ảnh hưởng đến không khí lớp học và kết quả của việc thực hành tiếng. Dựa vào những đặc điểm văn hóa truyền thống mà chúng tôi đã trình bày ở phần trên, thái độ học tập thụ động này trong lớp học ngoại ngữ có thể lí giải theo ba góc độ sau đây: *khái niệm cộng đồng, sự tôn kính thầy cô và khái niệm giữ thể diện*.

2.1. Khái niệm cộng đồng

Nho giáo đề cao giá trị tập thể so với những biểu hiện cá nhân, điều này đã ít nhiều ảnh hưởng đến thái độ học tập ngoại ngữ của sinh viên châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong lớp học, việc nói nhiều, thể hiện thái quá quan điểm của mình được xem như cách gây chú ý, “chơi trội”, đi ngược lại những giá trị văn hoá phương Đông. Do đó hiện tượng sinh viên Việt Nam ít dám tranh nói trong lớp học ngoại ngữ có thể lí giải bởi tính nhút nhát, nhưng cũng là do họ không dám “chơi trội” trong nhóm bằng cách chủ động tranh phát biểu. Hơn nữa, nỗi lo ngại khi một mình tranh nói sẽ hướng sự chú ý của thầy và những sinh viên khác vào cá nhân mình đã đưa các em đến chỗ thích lắng nghe thụ động thầy cô hay các bạn khác hơn là tự mình nói, trừ khi họ bị chỉ định.

Sự thiếu tự tin cũng là nguyên nhân khiến một số sinh viên không dám mạnh dạn nói vì họ sợ những ý kiến cá nhân của mình có thể gây nhầm chán cho những người khác, làm mất thời gian của người khác... Do đó trong giờ học ngoại ngữ có thể dễ thấy hình ảnh độc thoại của người thầy, nếu có đối thoại thì chỉ với một nhóm nhỏ sinh viên nào đó và chỉ nhóm này là thường xuyên phát biểu.

2.2. Sự tôn kính thầy cô

Với đạo lí truyền thống Việt Nam là trò luôn sợ và tôn kính thầy, trong giờ học, sinh viên thường im lặng, lắng nghe lời thầy hơn là thảo luận, tranh cãi, điều này không có gì xấu, nhưng đôi lúc làm cho không khí lớp học trở nên buồn tẻ, thụ động. Trong suy nghĩ của người học, một học sinh giỏi là học sinh phải biết hiểu hết những gì thầy giảng. Người thầy là người giữ và truyền đạt tri thức, người trò tiếp nhận tri thức này và chỉ việc học thuộc lòng. Mỗi quan hệ thầy trò được giới hạn trong khuôn khổ giữa người truyền đạt với người tiếp nhận. Do đó có vẻ như không phải đạo khi một học sinh nào đó nghi ngờ, xem xét lại những kiến thức truyền thụ của thầy hay bày tỏ ý kiến trái ngược với ý kiến của thầy hoặc là đặt ra những câu hỏi có thể gây bối rối cho thầy.

Việc tôn kính và sợ thầy cô còn được thể hiện qua câu trả lời “dạ”, “vâng” (Yes/Oui) thường thấy trong giờ học ngoại ngữ: học sinh trả lời “Yes/Oui” ngay cả khi họ không hiểu câu hỏi hay bài giảng. Đây được coi là câu trả lời lịch sự do hai lí do sau: bốn phần của người học là phải hiểu và nếu trả lời không hiểu (No/Non) có thể gây nghi ngờ về khả năng, phương pháp truyền thụ kiến thức của thầy. Hơn nữa thái độ kính thầy đã làm học sinh giữ một khoảng cách nhất định thầy trò, cả về không gian và tâm lí. Điều này đôi khi dẫn đến thực tế là mỗi khi thầy giáo đến gần một em sinh viên nào đó, em này lập tức dậm ra bối rối, lúng túng và cách diễn đạt, ý kiến lập tức bị “cứng lưỡi”.

2.3. Vấn đề thể diện

Một nguyên nhân khác khiến sinh viên không dám nói trong lớp là nỗi lo sợ bị bạn bè chọc ghẹo, làm trò hề cho cả lớp khi nói năng mắc lỗi. Khi một sinh viên bị bạn bè chế nhạo vì phát âm sai hay nhấn giọng không chuẩn, họ cảm thấy bị mất thể diện trước đám đông và sẽ không dám nói nữa. Tốt nhất là giữ im lặng hơn là phát biểu sai và mắc lỗi. Do đó sinh viên ít khi tự nguyện xin nói và trước khi nói, các em phải suy

ngữ, chuẩn bị rất nhiều về ý tưởng, cấu trúc ngữ pháp của câu mà mình chuẩn bị nói cho chắc chắn rồi mới giơ tay xin nói, điều này thường làm giáo viên bản ngữ hiểu lầm tưởng sinh viên không chịu phát biểu.

3. Hướng đến việc dạy và học ngoại ngữ theo một phương pháp kết hợp, trong đó chú trọng đến giao thoa văn hoá

Trước những sinh viên ít nhiều bị tác động bởi các yếu tố văn hóa gồm cả những giá trị truyền thống, đặc biệt là ảnh hưởng của Nho giáo như trình bày ở phần trên, những phương pháp giảng dạy ngoại ngữ được áp dụng thành công ở châu Âu đôi khi lại gặp không ít khó khăn, nếu không muốn nói là thất bại trong môi trường văn hóa Á đông nói chung và Việt Nam nói riêng, do vấp phải tính thụ động của người học, không thích ứng được với môi trường năng động, chủ động với nhiều tình huống không cho phép sinh viên có nhiều thời gian chuẩn bị trước mà các phương pháp này đòi hỏi. Nếu như những phương pháp dạy ngoại ngữ truyền thống trước đây (phương pháp truyền thống, phương pháp trực quan...) bị lên án mạnh vì những bất cập và hạn chế của nó, thì những phương pháp chú trọng đến “giao tiếp” đang được áp dụng hiện nay trong giảng dạy ngoại ngữ cũng gặp không ít khó khăn do đặc điểm văn hoá của người học Việt Nam. Do đó, theo nhận xét của chúng tôi, việc áp dụng một phương pháp kết hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau, kể cả phương pháp truyền thống, có thể giúp giải quyết vấn đề phù hợp với môi trường văn hóa Việt Nam. Phương pháp này đặc biệt chú trọng đến những đặc trưng văn hoá xã hội của sinh viên trong giao tiếp, cũng như những yếu tố có thể gây khó khăn cho sinh viên trước một ngôn ngữ - văn hóa xa lạ. Cùng với việc áp dụng phương pháp kết hợp, những hoạt động được đề nghị sau đây cũng có thể giúp sinh viên hòa nhập vào tình huống giao tiếp và khuyến khích sinh viên nói.

- Những hoạt động trong lớp

Những hoạt động vui học trong lớp như: đóng kịch, diễn vai... hay như một hoạt động gần đây hay được sử dụng trong lớp học ngoại ngữ là mô phỏng tình huống thật (global simulation) rất được sinh viên yêu thích vì nó mang lại hiệu quả sáng tạo và kích thích tính năng động, cũng vì những tình huống tạo ra gần giống với những hoạt động trong cuộc sống đời thường.

Đóng vai hay diễn tình huống đòi hỏi sinh viên phải sử dụng cả điệu bộ và lời nói để diễn tả, do đó các em sẽ diễn đạt một cách tích cực hơn, tránh được những trường hợp bị “cứng lưỡi”. Những hoạt động này cũng khuyến khích sinh viên hoạt động theo nhóm nhỏ trong đó sinh viên sẽ nói dễ dàng, thoải mái hơn, nhất là những sinh viên nhút nhát vốn sợ nói trước đám đông. Hoạt động nhóm nhỏ, cũng tạo điều kiện cho sự giúp đỡ qua lại giữa những thành viên trong nhóm và những lỗi mắc phải trong khi nói, nếu có, sẽ không gây nhiều áp lực, không làm sinh viên cảm thấy bị mất mặt nữa, vì được bạn bè thông cảm và sửa chữa trong không khí thân thiện của nhóm, và chính những lỗi mắc phải được bạn bè góp ý đó lại là một yếu tố để giúp đỡ các em tiến bộ hơn. Và một khi sinh viên cảm thấy họ cũng có khả năng nói và hoàn thành tốt một phần công việc được phân công trong nhóm, họ sẽ tự tin hơn và chăm nói hơn.

- Các hoạt động chuẩn bị trước khi nói

Hoạt động này có ích và cần thiết cho những sinh viên gặp khó khăn trong diễn đạt tự nhiên. Để tập làm quen dần với cách diễn đạt, cách nói tự nhiên, sinh viên sẽ có bước chuẩn bị nói trước qua tranh ảnh, trích đoạn phim vidêô, một bản tin thời sự, một câu chuyện hay một kinh nghiệm vừa trải qua..., nhằm tạo môi trường thuận lợi cho chủ đề một cách tự nhiên. Thời gian chuẩn bị trước khi nói sẽ tạo điều kiện cho các em có thời gian suy nghĩ và giảm những lỗi mắc phải và

giúp các em tự tin hơn vì không còn sợ mất thể diện trước bạn bè.

- *Mối quan hệ giữa người dạy và người học hiện nay*

Không còn “đánh” vào bảng đen, người thầy ngày nay đóng vai trò như một người bạn, một người hướng dẫn chứ không chỉ đơn thuần là người nắm giữ tri thức và truyền đạt một chiều nữa. Vai trò của thầy là gợi mở, hướng dẫn phương pháp, còn lại phần lớn thời gian nói là dành cho người học, chính người học mới đóng vai trò chủ động là trung tâm của các hoạt động nhóm, lớp.

Ngày nay trong lớp học ngoại ngữ thường thấy hình ảnh các giáo viên trao đổi trực tiếp với sinh viên về chương trình học, các phương pháp tiếp thu hiệu quả, hay những khó khăn mà sinh viên gặp phải, những mục tiêu cần đạt đến... Mặc dù đôi khi những thảo luận này được trao đổi bằng tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt), nhưng nó cũng khơi dậy thái độ học tập tích cực đối với chính sinh viên.

- *Những hoạt động giao thoa văn hóa*

Một hoạt động khác cũng nên khuyến khích bên cạnh việc học tiếng, là giúp sinh viên khám phá những khác biệt về văn hóa của ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ theo học. Do việc học ngoại ngữ luôn diễn ra trong bối cảnh tiếp xúc, giao thoa văn hoá giữa nhiều nước, việc tiếp xúc với nền văn hóa nước khác có thể đẩy nhanh sự tiếp biến văn hoá hay ngược lại gây nên những phản ứng tiêu cực, thường gọi là cú sốc văn hóa ở người học. Do đó việc giúp sinh viên khám phá những đặc trưng văn hóa của cộng đồng mà họ đang theo học ngôn ngữ sẽ giúp các em có dịp nhìn lại, so sánh với văn hóa mẹ đẻ và làm quen tiếp cận với nền văn hóa mới, tránh được cú sốc văn hóa thường hay xảy ra khi sau này phải tiếp xúc trực tiếp với người bản ngữ hay sang học tập tại nước đó.

4. Tạo môi trường học tự tin, thân thiện bằng phương pháp giảng dạy kết hợp

Việc lo sợ, ngại ngần, mặc cỡ, không tự tin của người học Việt Nam là những yếu tố tâm lý-văn hóa cần đặc biệt chú ý đến trong quá trình dạy và học ngoại ngữ. Trước một số khó khăn gặp phải của các phương pháp giao tiếp trong môi trường văn hoá Á đông, chúng tôi đề nghị có sự kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau, kể cả phương pháp truyền thống, vì mỗi phương pháp đều có mặt tích cực, cái hay riêng của nó. Vấn đề cần thiết là phải chú ý đến những đặc điểm văn hóa của người học và xây dựng tính năng động của nhóm-lớp, đồng thời tạo cho người học sự tự tin. Động viên, sẵn sàng khen ngợi nếu sinh viên học tốt, kiên nhẫn và khoan dung sẽ góp phần tạo nên môi trường học thân thiện, thoải mái, giúp đỡ bỏ những rào cản văn hóa mà sinh viên Việt Nam hay vấp phải trong việc tiếp cận ngôn ngữ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BERARD E. (1991), *L'approche communicative. Théorie et pratiques*, CLE International, Paris.
- BOGAARDS P. (1988), *Aptitude et affectivité dans l'apprentissage des langues étrangères*, Hatier/Didier, Paris.
- LIU WU CHI (1963), *La philosophie de Confucius*, Payot, Paris.
- OXFORD R.L. (Ed) (1996), *Language Learning Strategies around the world: Cross-cultural Perspectives*, University of Hawaii at Manoa, Second language teaching and curriculum Center.
- Puren C. (2003), *La didactique des langues étrangères à la croisée des méthodes. Essai sur l'éclectisme*. Didier, Paris.
- Trần Ngọc Thêm (2003), *Recherche sur l'identité de la culture vietnamienne*, NXB Thế giới.
- ZARATE G. (1993), *Représentation de l'étranger et didactique des langues*, Hachette, Paris.
- Ki yếu hội thảo «*Đổi mới phương pháp dạy-học ở Đại học và Cao đẳng*», NXB Giáo dục, 2003.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-11-2008)